TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH Đ Số: **03**/2020/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *L, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH Đ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Lê Đăng Tố**.

Thư ký phiên họp: Bà **Phan Thị Mai** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên họp: Ông **Nguyễn Đình Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ, mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, về yêu cầu "Yê u cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm số: 03/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đ.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị **Phạm Hồng Đ**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 104, K, Phường 5, Quận 11, Thành phố H.

2. Anh **Phạm A**, sinh năm 1978;

3. Anh **Phạm Tuấn M**, sinh năm 1980;

4. Chị **Phạm Thị Bích L**, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đ.

5. Anh **Phạm Tuấn V**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 25/9D, Đường 17, Tổ 1, Khu phố 5, phường L, quận T, Thành phố H.

(Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp).

NỘI D VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 15-10-2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, người yêu cầu bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ông Phạm Văn M, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975, có năm người con gồm Phạm Hồng Đ, Phạm A, Phạm Tuấn M, Phạm Thị Bích L, Phạm Tuấn V.

Về sức khỏe của ông M: Từ khoảng năm 2011, ông M có triệu chứng tăng huyết áp, đến năm 2013 thì bị tai biến mạch máu não lần thứ nhất. Do được cấp cứu kịp thời nên sức khỏe chỉ giảm sút, sau một thời gian điều trị thì bệnh tình có phần thuyên giảm. Đến năm 2016, ông M bị tai biến mạch máu não lần thứ hai, gia đình đưa ông M đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L, điều trị được hai tuần thì gia đình xin xuất viện để tiếp tục điều trị tại Bệnh viện 115 (thuộc Thành phố Hồ Chí M), nhập viện điều trị được hai tuần thì xin xuất viện về điều trị ngoại trú với chẩn đoán: Nhồi máu/Teo não. Thời gian gần đây, ông M hay quên, không nhớ tên các thành viên trong gia đình, mọi sinh hoạt của ông M đều phải có người phụ giúp, tiểu tiện không kiểm soát được. Từ khi ông M không tự sinh hoạt được, bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện nay, ông M và bà D đang là bị đơn trong vụ án dân sự thụ lý số 215/TLST-DS ngay 24 tháng 11 năm 2014 với nguyên đơn ông Tạ Duy Nhuận. Để được làm đại diện cho ông M tham gia tố tụng trong vụ án, cũng như tham gia các giao dịch dân sự khác, bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn M mất năng lực hành vi dân sự.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18-10-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh chị: Phạm Hồng Đ, Phạm A, Phạm Tuấn M, Phạm Thị Bích L, Phạm Tuấn V có lời khai thống nhất với bà D, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà D về việc tuyên bố cha của các anh chị là ông Phạm Văn M bị mất năng lực hành vi dân sự, đồng thời xác định bà D là người đại diện của ông M.

Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc đến trước thời điểm mở phiên họp.

- Về nội D yêu cầu: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, tuyên bố ông Phạm Văn M mất năng lực hành vi dân sự. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đề nghị miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà D, do bà D là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố L nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với ông Phạm Văn M, sinh năm 1946; hiện cư trú tại: Khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đ, căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì yêu cầu của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Người thân thích của ông M, ngoài bà D là vợ, còn có các con là các anh chị Phạm Hồng Đ, Phạm A, Phạm Tuấn M, Phạm Thị Bích L, Phạm Tuấn V. Vì vậy, Tòa án đưa những người con của ông M tham gia phiên họp với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất của ông M trong trường hợp ông M bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội D vụ việc: Căn cứ đơn yêu cầu của bà D, Tòa án nhân dân thành phố L đã ban hành Quyết định số 10/2019/QĐ-TA ngày 16 tháng 10 năm 2019, trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, giám định năng lực hành vi dân sự của ông Phạm Văn M. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 729/KL-VPYTW ngày 31-12-2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận về năng lực hành vi dân sự của ông Phạm Văn M như sau: "***Về y học****: Hiện nay đương sự bị bệnh mất trí trong bệnh mạch máu (F01-ICD.10);* ***Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi****: Hiện nay đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".*

[4] Như vậy, lời khai của người yêu cầu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu của người yêu cầu, phù hợp với kết luận giám định, có đủ cơ sở để khẳng định, ông Phạm Văn M bị mất năng lực hành vi dân sự. Từ đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về xác định người đại diện: Bà D là vợ của ông Phạm Văn M, có đủ điều kiện làm người đại diện (giám hộ) cho ông M theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 53 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì bà D là giám hộ đương nhiên của ông M, bà D có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định tại Điều 57, 58 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1953, là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn lệ phí. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà D.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39; các điều 149, 361, 367, 370, 372, 376, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 22, 49, 53, 57, 58, 59 Bộ luận Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu tuyên bố ông Phạm Văn M mất năng lực hành vi dân sự.

- Tuyên bố ông Phạm Văn M, sinh năm 1946; nơi cư trú: Khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đ, là người mất năng lực hành vi dân sự.

- Xác định bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1953; nơi cư trú: Khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đ (vợ của ông M), là người giám hộ đương nhiên của ông Phạm Văn M. Giao dịch dân sự của ông Phạm Văn M do bà Nguyễn Thị D xác lập và thực hiện. Quyền và nghĩa vụ khác của bà D đối với ông M được thực hiện theo quy định tại các điều 57, 58, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà Nguyễn Thị D.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày ra quyết định. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố L;
- CCTHADS thành phố L;
- Ủy ban nhân dân phường X (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Người yêu cầu (để thi hành);
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Đăng Tố